

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HS-ST
Ngày: 17-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức T** (tên thường gọi khác: **C**), sinh năm 1988 tại Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: **ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Đức T1** và bà **Lâm Thị C1**; có vợ là **Lê Thị Bảo T2** (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: không; tiền sự: Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 120/QĐ-XPVPHC ngày 24 tháng 9 năm 2015 của **Công an huyện D**, tỉnh Bình Dương xử phạt **Nguyễn Đức T** 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt **Nguyễn Đức T** 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam ngày 02 tháng 6 năm 2023, có mặt.

2. Nguyễn Thanh Ngọc C2, sinh năm 1996 tại An Giang; nơi đăng ký thường trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Võ Thị Ngọc Anh T3; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 tạm giam, có mặt.

3. Trần Minh S1, sinh năm 1991 tại Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú: khu phố A, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Kim D; chung sống không đăng ký kết hôn với chị Diệp Thị T4 và có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 tạm giam, có mặt.

4. Lâm Thị Kiều O, sinh năm 1986 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T5 và bà Ngô Thị H1; có chồng là Thạch Minh H2 và 02 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt Lâm Thị Kiều O 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng và phạt bổ sung 20.000.000 đồng về tội Đánh bạc; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 tạm giam, có mặt.

5. Trần Minh T6, sinh năm 1985 tại Bình Phước; nơi đăng ký thường trú: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nơi sinh sống: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T7 và bà Lê Thị Phương N; có vợ là Nguyễn Thị B và 02 con; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 71/2021/HS-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Minh T6 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc; tiền sự: không; bị bắt ngày 01 tháng 02 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

6. Lê Văn L, sinh năm 1984 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Vũ T8 (đã chết) và bà Lâm Thị H3; có vợ là Lê Thị P và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 12/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2004 của Tòa án nhân dân

huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt **Lê Văn L** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

7. **Lê Thanh P1** (tên thường gọi khác: **P1 7 Ký**), sinh năm 1992 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: **ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Viết B1** và bà **Vũ Thị K**; có vợ là **Phạm Ngọc Linh C3** (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt **Lê Thanh P1** 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

8. **Nguyễn Văn T9**, sinh năm 1991 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: **ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn P2** và bà **Lương Thị Ánh H4**; chung sống không đăng ký kết hôn với chị **Dương Kim Đ** và có 01 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt **Nguyễn Văn T9** 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

9. **Lê Phi H5**, sinh năm 1990 tại An Giang; nơi đăng ký thường trú: **ấp L, xã L, huyện T, tỉnh An Giang**; nơi sinh sống: **khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn G** và bà **Nguyễn Thị Y** (đã chết); có vợ là **Võ Thị Thu V** và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

10. **Lê Minh V1**, sinh năm 1993 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: **ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Quốc D1** (đã chết) và bà **Trần Thị C4**; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

11. **Trương Thị T10** (tên thường gọi khác: **G1**), sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: **số A, đường số B, khu phố C, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; nơi sinh sống: **ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ;

tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H6 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S2 (đã chết); có chồng là Lê Văn V2 và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

12. Hồng Thị N1 (tên thường gọi khác: B2), sinh năm 1976 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng A P3 (đã chết) và bà Trần Thị B3; có chồng là Dịp A S3 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

13. Nguyễn Thành L1, sinh năm 2000 tại Long An; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Bình Dương; nơi sinh sống: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L2 và bà Phạm Thị Ánh H7; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 được trả tự do, có mặt.

14. Lê Quốc T11 (tên thường gọi khác: Tèo Em, Tèo Đ1), sinh năm 1992 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh S4 và bà Đỗ Anh Đ2; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ H8 (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Huỳnh Khắc H9, sinh năm 1979; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Anh T12, sinh năm 1993; nơi cư trú: số B, đường B, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 16 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, Công an huyện B phát hiện bắt quả tang Lê Thanh P1, Lê Phi H5, Nguyễn Văn T9, Trương Thị T10, Lê Minh V1, Nguyễn Thành L1, Lê Văn L, Hồng Thị N1, Lâm Thị Kiều O và một số đối tượng khác (chưa rõ họ tên, địa chỉ) đang đánh bạc lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền tại khu

vực vườn trà, khu phố B, thị trấn L, huyện B. Quá trình chơi lắc tài xỉu, có đối tượng tên M (không rõ họ tên, địa chỉ) làm cái, các con bạc đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Đức T là người đứng ra tổ chức đánh bạc và thu tiền xâu tại khu vực vườn trà. T rủ các đối tượng đánh bạc đến khu vực vườn trà để đánh bạc rồi đến tiệm tạp hóa mua một tấm bạt màu xanh cam mang đến trải làm chiếu bạc. Khoảng 14 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, T thuê Nguyễn Thanh Ngọc C2 và Trần Minh S1 chở nước suối và chở các con bạc từ nhà trọ L4, khu phố B, thị trấn L, huyện B đến địa điểm đánh bạc. T hứa hẹn trả cho S1 và C2 từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng vào cuối ngày. Khi có người đến đánh bạc, T sử dụng số điện thoại 0962.520.351 gọi điện thoại cho C2 qua số điện thoại 0397.192.949 và S1 qua số điện thoại 0964.377.352 để chở người đến địa điểm đánh bạc. C2 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Nagaki, số loại 110, màu đỏ đen, biển số 67N6-5674 để chở một người nam cùng với 03 lốc nước suối vào địa điểm đánh bạc. S1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Metallicstar, số loại 110LF, biển số 59L1-584.31 để chở hai người đàn ông đến đường nhựa giáp với vườn trà thì gọi T ra đón các con bạc vào trong để đánh bạc, rồi S1 và C2 quay về phòng trọ L chờ T gọi chở người sau. Khi đang ở trước dãy trọ thì C2 và S1 bị Công an huyện B bắt giữ. C2 và S1 chưa nhận được tiền công cho việc giúp sức T tổ chức đánh bạc ngày 30 tháng 01 năm 2023.

H5 khai: vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại phòng trọ của H5 thuộc nhà trọ L4, T rủ H5 vào vườn trà để chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. H5 đồng ý và cùng với T đến vườn trà để đánh bạc. Đến nơi có khoảng 08 đến 09 người đang chơi đánh bạc, khi đang chơi được 04 đến 05 ván thì bị bắt quả tang.

P1 và T6 khai: vào khoảng 12 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, P1 cùng với Giang Mỹ B4 đến nhà trọ Lan L3 chơi thì gặp T rủ chơi lắc tài xỉu, P1 đồng ý nên T cho người chở P1 và chị B4 đến khu vực vườn trà để chơi đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, P1 nhắn tin nhờ Trần Minh T6 mang nước suối đến khu vực gần nhà trọ Lan Lê cho P1. T6 nhờ Lê Văn T13 chở T6 đến địa điểm P1 chỉ. Khi đến nơi, có một thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ hỏi T6 đi đâu, T6 nói đi đến chỗ đánh tài xỉu thì người này dẫn T6 vào địa điểm bên trong vườn trà còn T13 quay về. Đến nơi, T6 thấy có nhiều người đang đánh tài xỉu nên vào chơi cùng. T6 chơi được khoảng 03 ván, do có việc nên T6 đi về vào hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày.

T10 và N1 khai: vào khoảng 09 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, cả hai đang ngồi uống cà phê tại Quán 72 tại ấp L, xã L, huyện D thì có người hai người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đeo khẩu trang rủ qua huyện B chơi đánh bạc, cả hai đồng ý. Khi đến Khu Công nghiệp B, có một nam thanh niên đi xe Sirius màu đen đến dẫn cả hai vào khu vực vườn trà để đánh bạc.

L1 khai: khoảng 14 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, L1 đến nhà trọ của H5 tại khu phố B, thị trấn L tìm O để đòi nợ. Tại đây, L1 gặp C2, C2 nói O đang chơi đánh bạc tại vườn trà nên đã điều khiển xe mô tô chở L1 đến đây. Đến nơi, do thấy nhiều người đang chơi đánh bạc lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền nên L1 đã cùng tham gia.

T11 khai: sáng ngày 30 tháng 1 năm 2023, T11 đi uống cà phê tại Quán M ở đường N thì nghe một vài người đàn ông bàn kế bên nói ở trong vườn trà Lâm Sinh khu Viện nghiên cứu của Lai U có chơi tài xỉu nên chiều khoảng 14 giờ cùng ngày, T11 đi đến gần vườn trà. Trên đường đi, T11 gặp V1 cũng đang đến vườn trà để đánh bạc nên cả hai đi chung. Khi đến nơi có khoảng 10 người đang chơi lắc tài xỉu nên cả hai vào tham gia chơi. Khi chơi được 06 đến 07 ván, do hết tiền nên T11 về trước, V1 vẫn ở lại chơi.

T9 khai: T9 được người đàn ông tên H8 (mới quen biết, không rõ họ tên, địa chỉ) dẫn qua huyện B để chơi đánh bạc. T9 và H8 ngồi quán cà phê không biết tên được một lúc thì có một thanh niên điều khiển xe mô tô không nhớ nhãn hiệu, biển số đến chở cả hai đến vườn trà để đánh bạc; khi bị bắt quả tang thì H8 đã bỏ chạy.

L khai: vào hồi 15 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, L cùng O ngồi uống cà phê tại đường D, khu phố B, thị trấn L, huyện B. Trong lúc ngồi thì nghe bàn bên cạnh có nói trong khu vườn trà có đánh tài xỉu nên cả hai cùng vô chơi. Khi đến nơi có khoảng 14 đến 15 người đang chơi lắc tài xỉu nên L cùng tham chơi, đang chơi thì bị bắt quả tang.

O khai: vào khoảng 15 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, O ngồi uống cà phê cùng với L tại quán nước không rõ tên tại khu vực nhà gỗ thuộc thị trấn L, huyện B thì L rủ O vào khu vực vườn trà đánh bạc, O đồng ý. Lúc sau, một thanh niên chạy xe Sirius màu đỏ đến chở O và L vào khu vực vườn trà chơi. Tại đây, O thấy có khoảng 20 người đang chơi đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu, L ngồi đặt cược phía trước còn O đứng sau lưng của L. O mang theo 200.000 đồng nhưng không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng xem. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành cho H5, L1, N1, T10 và T11 nhận dạng O và lời khai các bị cáo này đều xác định: O có đặt cược đánh bạc, O đứng ở sau lưng L, các đối tượng này đều nhìn thấy O cúi người xuống đặt tiền cá cược đánh bạc. Vì vậy, có đủ căn cứ khẳng định O có tham gia đánh bạc ngày 30 tháng 01 năm 2023 (bút lục số 389, 390, 512, 513, 575, 573, 574, 541, 542, 543, 557 và 558).

Luật chơi đánh bạc lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền như sau: nhà cái sẽ lắc bộ tài xỉu gồm 01 nắp nhựa, 01 đĩa sứ và 03 hột xí ngầu sao cho giá trị tổng các mặt ngửa của 03 hột xí ngầu thay đổi từ 03 đến 18, tổng 03 hột xí ngầu lớn hơn hoặc bằng 11 là “tài”, nhỏ hơn 11 là “xiu”. Người chơi sẽ đặt cửa tài hoặc xỉu, nếu thắng người chơi sẽ thắng nhà cái số tiền bằng đúng số tiền cược, nếu thua người chơi sẽ thua nhà cái bằng đúng số tiền cược. Nhà cái sẽ không thua trong trường hợp “bão”

(03 mặt của 03 hột xí ngẫu có giá trị bằng nhau). Trường hợp “bão tài” thì nhà cái hòa người đặt cược tài, thắng người đặt cược xỉu và ngược lại. Ván nào có trường hợp “bão” thì **T** thu tiền xỉu từ nhà cái với số tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc như sau:

T là người chuẩn bị địa điểm đánh bạc, rủ các đối tượng đến khu vực vườn trà tại **khu phố B, thị trấn L, huyện B** để đánh bạc. **T** chuẩn bị tấm bạt mang đến trải làm chiếu bạc, trực tiếp thu tiền xỉu, thuê **C2** và **S1** chở nước suối và các con bạc từ nhà trọ Lan Lệ đến địa điểm đánh bạc. **T** thu tiền xỉu được tổng cộng khoảng 10 lần, mỗi lần từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 800.000 đồng. **C2** và **S1** giúp sức cho **T** để thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc bằng việc chở người đánh bạc và chở nước đến địa điểm đánh bạc, nhận lợi ích vật chất từ **T** nhưng chưa nhận được tiền thì bị bắt.

H5 mang theo 1.300.000 đồng để đánh bạc, thắng 300.000 đồng. **T6** mang theo 6.000.000 đồng để đánh bạc, thua 1.200.000 đồng. L mang theo 1.500.000 đồng để đánh bạc, thắng 500.000 đồng. **P1** mang theo 6.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 600.000 đồng. **V1** mang theo 1.600.000 đồng để đánh bạc, thua 700.000 đồng. **N1** mang theo 7.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 800.000 đồng. **T10** mang theo 1.800.000 đồng để đánh bạc, thua hết. **L1** mang theo 2.400.000 đồng để đánh bạc, thua 400.000 đồng. **T11** mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, thua hết. **T9** mang theo 400.000 đồng để đánh bạc, thua 200.000 đồng nhưng chưa bỏ tiền xuống chiếu bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố; riêng bị cáo **O** cho rằng bị cáo không tham gia đánh bạc. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông **H9** và chị **T12** vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, ông **H9** và chị **T12** không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo **O, T6, L, H5, P1, T9, V1, T10, N1, L1** và **T11** đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc; giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo **T, C2** và **S1** đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30 tháng 01 năm 2023 (bút lục số 01 đến 04), **Công an huyện B** đã tạm giữ: tại chiếu bạc 11.300.000 đồng, trong người các con bạc 12.200.000 đồng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa cuộn băng keo màu vàng, 03 hột xí ngẫu, 01 viên gạch men và 01 tấm bạt màu xanh.

- Số tiền tạm giữ tại chiếu bạc là 11.300.000 đồng gồm: **P1** là 2.000.000 đồng, **V1** là 900.000 đồng, **N1** là 2.800.000 đồng, **L1** là 2.000.000 đồng, **L** là 2.000.000 đồng, **H5** là 1.600.000 đồng và 1.000.000 đồng của các đối tượng bỏ chạy, không rõ nhân thân lai lịch.

- Số tiền thu giữ trong người các con bạc là 12.200.000 đồng, gồm: **P1** là 4.600.000 đồng, **N1** là 5.000.000 đồng, **T9** là 400.000 đồng, **O** là 200.000 đồng và 2.000.000 đồng của một số đối tượng đã bỏ chạy.

Tại Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 30 tháng 01 năm 2023 (bút lục số 08 đến 10), **Công an huyện B** đã tạm giữ của **S1**: 01 xe mô tô biển kiểm soát 59L1-584.31, số khung: 52K7-4261, số máy: FMH-10229223; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 055529 mang tên **Nguyễn Anh T12** và 01 điện thoại di động loại POCO40 nhãn hiệu Xiaomi, IMEI 1: 862598055712145/00, IMEI 2: 862598055712152/00 có gắn sim số: 0964.377.352.

Tại Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 30 tháng 01 năm 2023 (bút lục số 11 đến 13), **Công an huyện B** đã tạm giữ của **C2**: 01 xe mô tô biển kiểm soát 67N6-5674, số máy: VDGZS152FMHN388344, số khung: RNDWCH1ND81N338344, nhãn hiệu Nagaki; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 036592 mang tên **Huỳnh Khắc H9** và 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus, màu bạc, số IMEI: 353350071400032, gắn sim số: 0397.192.949.

Tại Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 01 tháng 02 năm 2023 (bút lục số 21), **Công an huyện B** đã tạm giữ của **T6**: 4.800.000 đồng tiền và 01 điện thoại di động Iphone 12 màu vàng số IMEI: 354991558990026.

Về vụ lý vật chứng:

- Số tiền 11.300.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 12.200.000 đồng thu giữ trong người các con bạc là tiền dùng đánh bạc, số tiền 800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của **T**, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 4.800.000 đồng do **T6** giao nộp, đề nghị quản thủ thi hành án.

- 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa cuốn băng keo màu vàng, 03 hột xí ngầu, 01 viên gạch men, 01 tấm bạt màu xanh là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội và không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Xe mô tô biển kiểm soát 67N6-5674 và Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 036592 do **Phòng C5 Công an tỉnh A** cấp ngày 06 tháng 8 năm 2008, tên chủ xe là ông **Huỳnh Khắc H9**: ông **H9** khai xe mô tô này ông **H9** cho cháu là **C2** mượn để đi làm, ông **H9** không biết việc **C2** sử dụng xe để chở người đi đánh bạc. Ngày 26 tháng 4 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** trả xe mô tô này cùng giấy đăng

ký xe mô tô, xe máy cho ông **H9** (bút lục số 601) là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus, gắn sim số 0397.192.949 của **C2** và 01 điện thoại di động Xiaomi, gắn sim số 0964.377.352 của **S1** là phương tiện dùng để phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Xe mô tô biển kiểm soát 59L1-584.31 và Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0555.29 do **Công an Q**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, tên chủ xe là **Nguyễn Anh T12**: xe mô tô này chỉ **T12** đã bán cho một tiệm mua xe máy cũ cách đây 09-10 năm, không làm thủ tục sang tên. **S1** khai nhận mua lại xe mô tô này năm 2018, mua gần **Khu Công nghiệp B**, tỉnh **Đồng Nai**, khi mua có làm giấy tay nhưng **S1** đã làm mất. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã tiến hành đăng báo đồng thời tra cứu vật chứng, kết quả tra cứu xe mô tô này không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do xe mô tô này là phương tiện **S1** dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone 12 màu vàng của **T6**, **T6** không dùng vào việc phạm tội. Ngày 26 tháng 3 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** trả lại điện thoại di động này cho **T6** (bút lục số 599).

Điện thoại di động **T** sử dụng để liên lạc với **C2** và **S1**, quá trình bỏ trốn đã đánh mất nên không tiến hành xử lý. **Giang Mỹ B4** là người đi cùng **P1** vào vườn trà nhưng không tham gia đánh bạc; **Lê Văn T13** là người chở **T6** đến khu vực phòng trọ để mang nước cho **P1** sau đó quay về nên không có căn cứ để xử lý **B4** và **T13** về tội Đánh bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra không ai có ý kiến về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát: Bản Cáo trạng số 53A/CT-VKSBB ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố các bị cáo **O**, **T6**, **L**, **H5**, **P1**, **T9**, **V1**, **T10**, **N1**, **L1** và **T11** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo **T**, **C2** và **S1** về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt:

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **T**, xử phạt bị cáo **T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **C2**, xử phạt bị cáo **C2** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **S1**, xử phạt bị cáo **S1** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 4a của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo **O**, xử phạt bị cáo **O** từ 06 tháng đến 08 tháng tù, tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo **O**, buộc bị cáo **O** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T6, xử phạt bị cáo T6 từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo L, xử phạt bị cáo L từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo P1, xử phạt bị cáo P1 từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T9, xử phạt bị cáo T9 từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H5, xử phạt tiền bị cáo H5 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo V1, xử phạt tiền bị cáo V1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T10, xử phạt tiền bị cáo T10 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N1, xử phạt tiền bị cáo N1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo L1, xử phạt tiền bị cáo L1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T11, xử phạt tiền bị cáo T11 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Số tiền 11.300.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 12.200.000 đồng thu giữ trong người các con bạc là tiền dùng đánh bạc; số tiền 800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo T, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 4.800.000 đồng của bị cáo T6, đây là số tiền còn lại sau khi T6 thua bạc và đi về nên không có căn cứ xác định là tiền dùng đánh bạc, đề nghị trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa cuốn băng keo màu vàng, 03 hột xí ngầu, 01 viên gạch men và 01 tấm bạt màu xanh là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội và không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động Iphone 6s Plus, gắn sim số 0397.192.949 của bị cáo C2, 01 điện thoại di động Xiaomi, gắn sim số 0964.377.352 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 59L1-584.31 và Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0555.29 của bị cáo S1 là phương tiện dùng để phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo T, C2, S1, T6, L, P1, T9, H5, V1, T10, N1, L1 và T11: các bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

- Bị cáo O trình bày: bị cáo không nói bị cáo bị oan sai, nhưng có lẽ các bị cáo kia nhìn nhầm vì khi đó nhiều người bỏ tiền xuống chiếu bạc, rất đông. Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: mong Hội đồng xét xử cho bị cáo cơ hội, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về lo cho mẹ và con.

Bị cáo C2: bị cáo nhận thức bị cáo đã sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội làm lại con người mới.

Bị cáo S1: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo O: mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo nhẹ nhất có thể, bị cáo hứa sẽ không chơi đánh bạc nữa.

Bị cáo T6: mong Hội đồng xét xử cho bị cáo cơ hội để bị cáo lo cho cha mẹ và con nhỏ.

Bị cáo L: bị cáo có lỗi, xin cảm ơn.

Bị cáo P1: bị cáo sai, bị cáo hứa sẽ không vi phạm pháp luật nữa.

Bị cáo T9: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H5: bị cáo đã biết sai.

Bị cáo V1: bị cáo đã biết sai, bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

Bị cáo T10: bị cáo đã biết sai.

Bị cáo N1: bị cáo đã biết sai, bị cáo hứa sẽ sửa sai.

Bị cáo L1: bị cáo đã biết sai.

Bị cáo T11: bị cáo đã biết sai, bị cáo chấp nhận hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H9 và chị T12 vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.3] Riêng Danh bản và Chỉ bản của các bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo T, C2 và S1 khai: bị cáo T đã có hành vi tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc vào ngày 30 tháng 01 năm 2023; tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên; bị cáo C2 và S1 giúp sức cho bị cáo T tổ chức đánh bạc.

Các bị cáo T6, L, P1, T9, H5, V1, T10, N1, L1 và T11 khai: khoảng 12 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại vườn tràm thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, các bị cáo O, T6, L, P1, T9, H5, V1, T10, N1, L1 và T11 có hành vi đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 23.500.000 đồng (thu giữ tại chiếu bạc là 11.300.000 đồng và thu giữ trong người của các con bạc 12.200.000 đồng).

Riêng bị cáo O khai: ngày 30 tháng 01 năm 2023, bị cáo mang theo 200.000 đồng nhưng không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng xem. Tuy nhiên, quá trình điều tra, các bị cáo H5, L1, N1, T10 và T11 đã nhận dạng bị cáo O và đều khai bị cáo O có đặt cược đánh bạc (bút lục số 389, 390, 512, 513, 541, 542, 543, 557, 558, 575, 573 và 574). Tại phiên tòa, các bị cáo này vẫn xác định O có đặt cược đánh bạc.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo O, T6, L, P1, T9, H5, V1, T10, N1, L1 và T11 phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo T, C2 và S1 phạm tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, việc Kiểm sát viên truy tố các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng và trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà các bị cáo T, C2 và S1 đã có hành vi tổ chức đánh bạc trái phép; các bị cáo O, T6, L, P1, T9, H5, V1, T10, N1, L1 và T11 đã có hành vi đánh bạc trái phép là lặt tài xỉu được thua bằng tiền. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn: bị cáo T với vai trò chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, cụ thể: chuẩn bị địa điểm đánh bạc (vườn trà), chuẩn bị tấm bạt màu xanh cam trải làm chiếu bạc, thuê bị cáo Chiến và Sang chở nước suối và các con bạc đến địa điểm đánh bạc, rủ các con bạc đến chơi đánh bạc tại vườn trà, thu tiền xâu đối với những ván tài xỉu có trường hợp “bão”. Bị cáo C2 và S1 khi được bị cáo T thuê và hứa hẹn trả tiền công từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, đã giúp sức cho T tổ chức đánh bạc, trực tiếp chở nước suối và các con bạc đến địa điểm đánh bạc. Các bị cáo O, T6, L, P1, T9, H5, V1, T10, N1, L1 và T11 có hành vi cùng tham gia đánh bạc lặt tài xỉu thắng thua bằng tiền tại địa điểm do bị cáo T, C2 và S1 cùng tổ chức. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, hành vi tổ chức đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đối với các bị cáo:

Bị cáo T: sau khi bị phát hiện hành vi tổ chức đánh bạc, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố. Ngày 24 tháng 9 năm 2015, bị cáo bị Công an huyện Dầu Tiếng xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác, bị cáo chưa chấp hành nên chưa được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Năm 2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích. Nay bị cáo phạm tội Tổ chức đánh bạc.

Bị cáo O: đang chấp hành án treo theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về tội Đánh bạc nhưng bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội Đánh bạc trong thời gian thử thách.

Bị cáo T6: năm 2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt tiền về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội Đánh bạc.

Bị cáo L: năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích; nay bị cáo phạm tội Đánh bạc.

Bị cáo P1: năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng xử phạt tiền về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích; nay bị cáo lại phạm tội Đánh bạc.

Bị cáo T9: năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích (bị cáo chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự của bản án) nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Đối với bị cáo T:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, bị cáo không phải phạm tội lần đầu, không ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.2] Đối với bị cáo C và S:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.3] Đối với bị cáo O, T6 và T9:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo T6 và T9 thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo O có ông nội là liệt sĩ, có gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo T6 là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo không phải phạm tội lần đầu, không ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng ngày 30 tháng 01 năm 2023, các bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm theo khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Đối với bị cáo L và P1:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo L có mẹ là người có công cách mạng, hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và có gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo P1 là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không phải phạm tội lần đầu, không ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.5] Đối với bị cáo H5, V1, T10, N1, L1 và T11:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Hồ đang nuôi con nhỏ; bị cáo T11 đã ly hôn và đang nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Căn cứ tính chất và mức độ tham gia phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của mỗi bị cáo và trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định:

Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T, C2 và S1; mức hình phạt của T cao hơn C2 và S1; mức hình phạt của C2 và S1 bằng nhau là phù hợp.

Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo O, T6 và T9 là phù hợp. Riêng bị cáo O là người được hưởng án treo mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách, căn cứ khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 4a của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội

đồng xét xử quyết định hình phạt trong vụ án này và tổng hợp với hình phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng để buộc bị cáo O phải chấp hành.

Đối với các bị cáo L và P1: xét thấy mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị đối với mỗi bị cáo không quá 03 năm. Các bị cáo đều đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích, đối với bị cáo L tính đến ngày phạm tội lần này là một khoảng thời gian rất lâu (trên 10 năm), bị cáo P1 tính đến ngày phạm tội lần này đã hơn 01 năm; tính chất, mức độ của tội phạm mới của mỗi bị cáo được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án. Các bị cáo có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

Áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo H5, V1, T10, N1, L1 và T11 là phù hợp.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: tiền dùng đánh bạc 23.500.000 đồng gồm 11.300.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 12.200.000 đồng thu giữ trong người các con bạc; 800.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo T; 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus gắn sim số 0397.192.949 của bị cáo C2, 01 điện thoại di động Xiaomi gắn sim số 0964.377.352 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 59L1-584.31 kèm Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0555.29 của bị cáo S1 là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Số tiền 4.800.000 đồng của bị cáo T6, đây là số tiền còn lại sau khi T6 thua bạc và đi về nên không có căn cứ xác định là tiền dùng đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo T6.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa cuốn băng keo màu vàng, 03 hột xí ngầu, 01 viên gạch men và 01 tấm bạt màu xanh là công cụ dùng để phạm tội.

[9] Hành vi của Giang Mỹ B4 và Lê Văn T13 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp. Đối tượng H8 và các đối tượng đánh bạc khác không rõ tên tuổi, địa chỉ; khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2023.

- Căn cứ vào điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc C2 và Trần Minh S1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc C2 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Trần Minh S1 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 4a của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết

số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Kiều O phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Kiều O 07 (bảy) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; buộc bị cáo Lâm Thị Kiều O phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17 tháng 9 năm 2022 đến ngày 26 tháng 9 năm 2022 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T6 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T6 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L và Lê Thanh P1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh P1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao người được hưởng án treo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và người được hưởng án treo Lê Thanh P1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T9 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T9 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30 tháng 01 năm 2023 đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Phi H5 và Lê Quốc T11 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt tiền bị cáo Lê Phi H5 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Lê Quốc T11 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh V, Trương Thị T10, Hồng Thị N1 và Nguyễn Thành L1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt tiền bị cáo Lê Minh V1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Trương Thị T10 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Hồng Thị N1 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thành L1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[2] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền dùng đánh bạc; 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone S, loại: Iphone 6s Plus, màu bạc, số IMEI: 353350071400032, gắn sim số: 0397.192.949 (không kiểm tra bên trong máy, máy đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc C2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, số loại 110LF gắn biển kiểm soát: 59L1-584.31, số khung: 52K7-4261, số máy: FMH-10229223, dung tích xi lanh 108 (xe không có hệ thống

điện, đèn ở đằng trước, đã qua sử dụng cũ) của bị cáo Trần Minh S1, kèm 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 055529 do Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2013 cho chị Nguyễn Anh T12 đứng tên; 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Xiaomi, Loại: POCO C40 màu đen, IMEI 1: 862598055712145/00, IMEI 2: 862598055712152/00 có gắn sim số: 0964.377.352 (không kiểm tra bên trong máy, máy đã qua sử dụng) của bị cáo Trần Minh S1.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa cuốn băng keo màu vàng, 03 hột xí ngầu, 01 viên gạch men và 01 tấm bạt màu xanh (tất cả đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh T6 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương và các Giấy nộp tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N, Chi nhánh B, Phòng Giao dịch B).

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên

